

MỐI QUAN HỆ GIỮA MỘT SỐ YẾU TỐ BÊN TRONG DOANH NGHIỆP VÀ KẾT QUẢ XUẤT KHẨU NÔNG SẢN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM VÀO ASEAN+3

Mai Xuân Đào^{1*}, Nguyễn Thị Cẩm Loan¹, Trần Thị Lan Nhung¹

¹ Trường Đại học Tài chính – Marketing

*Tác giả liên hệ: Email: xuandao@ufm.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/04/2023 Ngày chấp nhận: 17/07/2023 Ngày đăng: 25/8/2023

DOI: 10.52932/jfm.vi4.393

Phụ lục 1. Thang đo đặc điểm doanh nghiệp

Đặc điểm DN	Cơ sở thang đo
Cam kết nguồn lực xuất khẩu (RC) Nguồn nhân lực doanh nghiệp liên quan hoạt động xuất khẩu (RC1) Có cam kết của ban quản trị cho hoạt động xuất khẩu (RC2) Doanh nghiệp có thiết lập kế hoạch cho hoạt động xuất khẩu (RC3)	Adu-Gyamf và Korneliusen (2013)
Kinh nghiệm xuất khẩu (EN) Số năm hoạt động xuất khẩu	Radojevic và cộng sự (2014); Kahiya và Dean (2015)
Quy mô doanh nghiệp (SN) Số nhân viên	Radojevic và cộng sự (2014); Kahiya và Dean (2015)
Mức độ quốc tế hóa (INT) Số thị trường xuất khẩu	Adu-Gyamf và Korneliusen (2013)

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Phụ lục 2. Thang đo nhận thức động cơ xuất khẩu bên trong doanh nghiệp

Nhận thức động cơ xuất khẩu bên trong doanh nghiệp (IS)	Cơ sở thang đo
Cấp quản lý quan tâm thâm nhập X (IS1)	Leonidou (1995a); Leonidou (1998); Westhead và cộng sự (2002)
Doanh nghiệp có những quản lý giỏi (IS2)	Leonidou (1995a); Revindo (2016); Vassilios và cộng sự (2017)
Sản phẩm doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu X (IS3)	Phỏng vấn tay đôi
Doanh nghiệp thu được doanh thu/lợi nhuận khi xuất khẩu vào X (IS4)	Leonidou (1995a); Westhead và cộng sự (2002)
Doanh nghiệp tăng trưởng khi xuất khẩu vào X (IS5)	Leonidou (1995a); Westhead và cộng sự (2002)
Doanh nghiệp xuất khẩu vào X nhờ mối quan hệ của quản lý doanh nghiệp (IS6)	Thảo luận nhóm tập trung

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Phụ lục 3. Thang đo nhận thức rào cản xuất khẩu bên trong doanh nghiệp

Nhận thức rào cản xuất khẩu bên trong doanh nghiệp (IB)	Cơ sở thang đo
Doanh nghiệp thiếu kiến thức, kinh nghiệm về X (IB1)	Tesfom và Lutz (2006); Kahiya (2015)
Doanh nghiệp thiếu nhân sự có năng lực cho XK (IB2)	Leonidou (1995b); Kahiya (2015)
Doanh nghiệp thiếu vốn cho xuất khẩu (IB3)	Leonidou (1995b); Radojevic và cộng sự (2014); Kahiya (2015)
Doanh nghiệp thiếu thông tin về X (IB4)	Leonidou (1995b); Kahiya (2015)

Nhận thức rào cản xuất khẩu bên trong doanh nghiệp (IB)	Cơ sở thang đo
Doanh nghiệp khó đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn cho xuất khẩu vào X (IB5)	Leonidou (1995b); Wijayarathne và Perera (2018).
Hàng xuất khẩu của doanh nghiệp chưa có thương hiệu (IB6)	Phòng vắn tay đôi
Doanh nghiệp khó chào giá xuất khẩu cạnh tranh vào X (IB7)	Leonidou (1995b); Radojevic và cộng sự (2014); Wijayarathne và Perera (2018).

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Phụ lục 4. Thang đo kết quả xuất khẩu

Kết quả xuất khẩu (EXP)	Cơ sở thang đo
Doanh nghiệp hài lòng doanh thu xuất khẩu vào X trong 3 năm gần đây (EXP1)	Katsikeas và cộng sự (1996)
Doanh nghiệp hài lòng tốc độ tăng thị phần xuất khẩu vào X trong 3 năm gần đây (EXP2)	
Doanh nghiệp hài lòng về lợi nhuận xuất khẩu vào X trong 3 năm gần đây (EXP3)	

Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp

Phụ lục 5. Đặc điểm mẫu khảo sát

Đặc điểm mẫu khảo sát	Tần số	Tỷ lệ (%)	
Vị trí địa lý của doanh nghiệp	Bắc	38	15
	Trung & Tây Nguyên	59	24
	Nam	153	61
Quy mô	Số lao động < 50	168	67
	Số lao động > 50 đến < 100	51	20
	Số lao động từ 100 đến < 200	31	13
Số năm hoạt động	Dưới 5 năm	79	32
	5 đến 10 năm	88	35
	11 đến 15 năm	28	11
	Trên 15 năm	55	22
Hình thức hoạt động	Sản xuất XK	122	49
	Thương mại XK	128	51
Thị trường xuất khẩu	ASEAN	102	41
	Hàn Quốc	22	9
	Nhật Bản	19	8
Số loại mặt hàng xuất khẩu	Trung Quốc	107	42
	1 mặt hàng	161	64
	Đa dạng mặt hàng	89	36

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Phụ lục 6. Kết quả đánh giá mô hình đo lường

Thang đo	Độ tin cậy		Giá trị hội tụ		Giá trị phân biệt	
	Hệ số Cronbach's alpha	Hệ số tin cậy tổng hợp	Hệ số tải	AVE	HTMT	
RC	RC1	0,715	0,84	0,715	0,639	Có
	RC2			0,917		
	RC3			0,752		
IS	IS1	0,769	0,839	0,637	0,515	Có
	IS3			0,686		
	IS4			0,815		
	IS5			0,823		
	IS6			0,598		

Thang đo	Độ tin cậy			Giá trị hội tụ		Giá trị phân biệt
		Hệ số Cronbach's alpha	Hệ số tin cậy tổng hợp	Hệ số tải	AVE	HTMT
IB	IB1	0,829	0,869	0,816	0,527	Có
	IB2			0,667		
	IB3			0,647		
	IB4			0,847		
	IB6			0,66		
	IB7			0,694		
	EXP			EXP1		
EXP2		0,87				
EXP3		0,738				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Phụ lục 7. Giá trị VIF

	IS	IB	EXP
RC	1,041	1,041	1,131
EN	1,284	1,284	1,285
SN	1,296	1,296	1,308
INT	1,033	1,033	1,037
IS			1,083
IB			1,128

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Phụ lục 8. Kết quả các mối quan hệ trong mô hình

Giả thuyết	Mối quan hệ	Hệ số hồi quy	P-value	Kết quả	Ghi chú
H1a	RC->IS	-0,135 ^{ns}	0,519	Bác bỏ	
H1b	EN->IS	0,004 ^{ns}	0,954	Bác bỏ	
H1c	SN->IS	-0,077 ^{ns}	0,246	Bác bỏ	
H1d	INT->IS	0,053 ^{ns}	0,474	Bác bỏ	
H2a	RC->IB	-0,219*	0,092	Chấp nhận	
H2b	EN->IB	0,008 ^{ns}	0,923	Bác bỏ	
H2c	SN->IB	0,091 ^{ns}	0,277	Bác bỏ	
H2d	INT->IB	0,013 ^{ns}	0,854	Bác bỏ	
H3a	RC->EXP	0,057 ^{ns}	0,446	Bác bỏ	
H3b	EN->EXP	-0,132 ^{ns}	0,026	Bác bỏ	Có ý nghĩa thống kê nhưng khác dấu so giả thuyết
H3c	SN->EXP	0,047 ^{ns}	0,473	Bác bỏ	
H3d	INT->EXP	-0,089 ^{ns}	0,075	Bác bỏ	
H4	IS->EXP	0,553***	0,000	Chấp nhận	
H5	IB->EXP	0,085 ^{ns}	0,264	Bác bỏ	

***: tương ứng mức ý nghĩa thống kê 1%; *: mức ý nghĩa 10%; ns(non-significant): không có ý nghĩa

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Phụ lục 9. f²

	IS	IB	EXP
RC	0,018	0,049	0,004
EN	0	0	0,019
SN	0,005	0,007	0,002
INT	0,003	0	0,011
IS			0,405
IB			0,009

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Phụ lục 10. Q²

	SSO	SSE	Q ² (=1-SSE/SSO)
IS	1250	1246,456	0,003
IB	1500	1475,926	0,016
EXP	750	607,17	0,19

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Phụ lục 11. q²

	q ²	q ²	q ²	q ²			
RC->IS	0,003	RC->IB	0,016	RC->EXP	-0,00123	IS->EXP	0,248
EN->IS	0	EN->IB	-0,002	EN->EXP	0,00987	IB->EXP	0,00246
SN->IS	0,001	SN->IB	0	SN->EXP	0		
INT->IS	0	INT->IB	0	INT->EXP	0,00247		

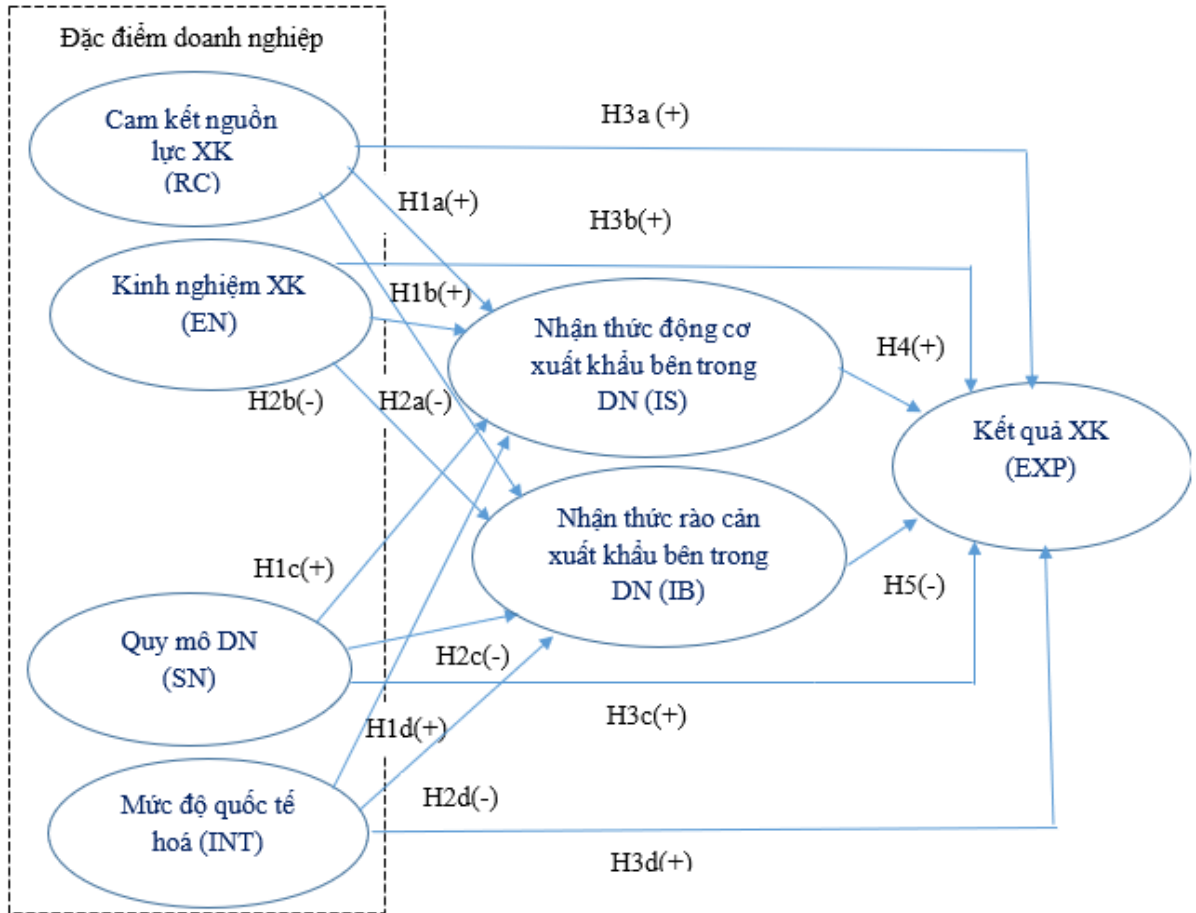
Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Phụ lục 12. Kiểm định sự khác biệt các mối quan hệ theo đặc điểm mẫu khảo sát

STT	Đặc điểm mẫu khảo sát	Mối quan hệ	Chênh lệch hệ số đường dẫn (Path Coefficients-diff)	Mức ý nghĩa (p-Value)
1	Vị trí địa lý	INT -> IS	-0,525	0,003
2	Hình thức xuất khẩu	EN->IB	Nam: $\beta=-0,125^{ns}$ Trung: $\beta=0,4^{***}$ -0,354	0,021
		SN->IS	SXXX: $\beta=-0,178^{ns}$ TMXX: $\beta=0,176^{**}$ -0,249	0,036
3	Thị trường xuất khẩu	EN->EXP	SXXX: $\beta=-0,155^*$ TMXX: $\beta=0,094^{ns}$ -0,311 ASEAN: $\beta=-0,306^{***}$ TQ: $\beta=0,006^{ns}$	0,025
4	Số lượng mặt hàng xuất khẩu	INT->IS	0,345 Một mặt hàng: $\beta=0,15^{ns}$ Đa dạng mặt hàng: $\beta=-0,195^*$	0,022

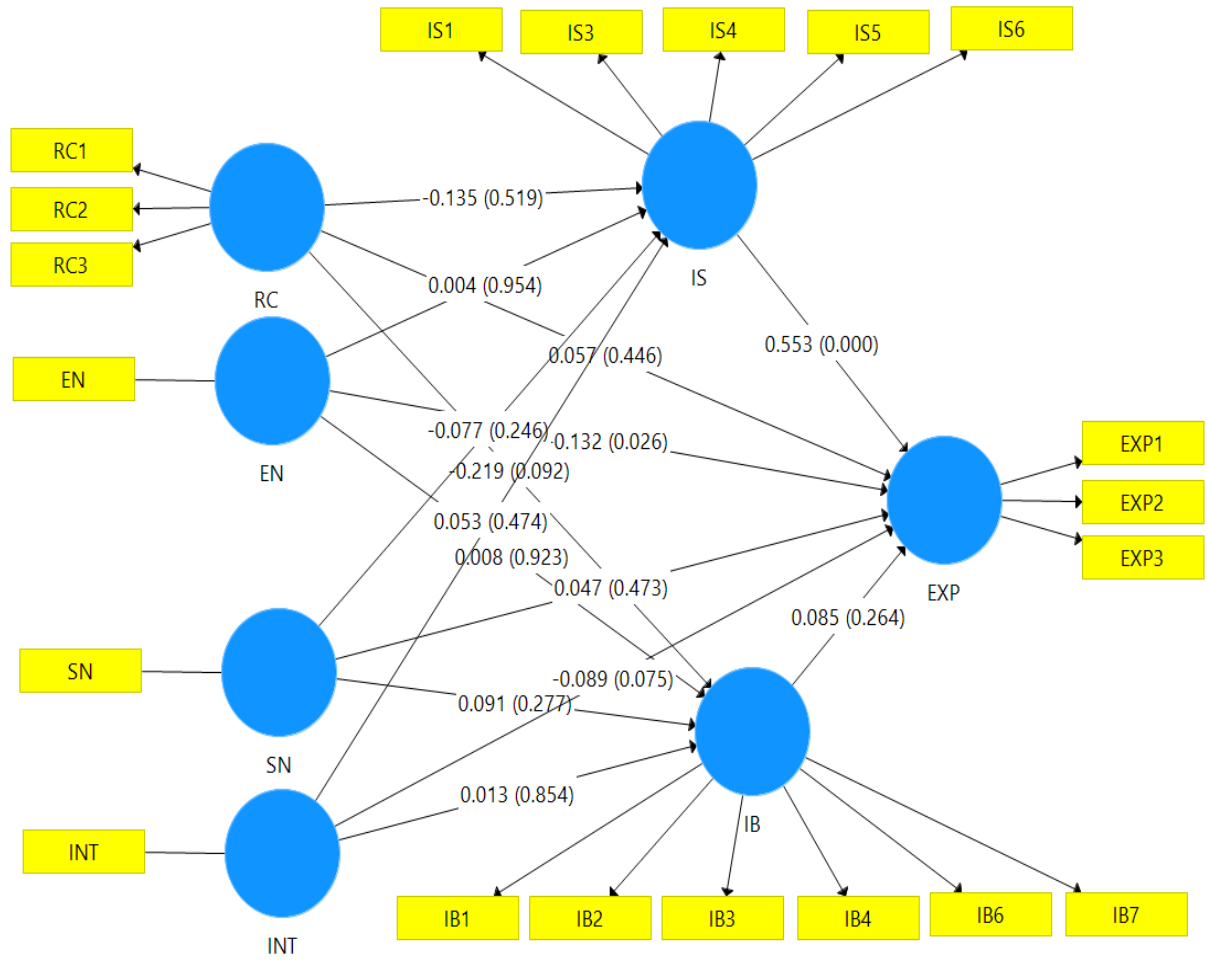
Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả

Phụ lục 13. Mô hình nghiên cứu đề xuất



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Phụ lục 14. Mô hình cấu trúc



Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của nhóm tác giả